



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc giang, ngày 15 tháng 4 năm 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUANG MINH

VÀ

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

Số: 154/2020/ĐV- HTXL-QM

Hạng mục : *Cung cấp thiết bị, lắp đặt, vận hành, chuyển giao công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 500 m³/ngày - tiêu chuẩn thải loại B*

Địa chỉ : Khu dân cư mới số 1, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 154/2020/ĐV- HTXL-QM

(V/v: **Cung cấp thiết bị, lắp đặt, vận hành, chuyển giao công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 500 m3/ngđ - tiêu chuẩn thải loại B**)

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,;
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường 52/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 15 tháng 4 năm 2020, Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUANG MINH

Đại diện : Ông Nguyễn Đức Nam
Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Địa chỉ : Khu dân cư mới số 1, đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.
Mã số thuế : 2400337562

ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

Đại diện : Ông Phạm Quang Anh
Chức vụ : Giám Đốc
Địa chỉ : Số 86 đường Đỗ Văn Quynh, phường Xương Giang, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Mã số thuế : 2400774322
Tài khoản : 7611100670008 Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Bắc Giang.
Điện thoại : 02046.507.666/ 0915.539.255

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng theo các điều khoản sau:

Điều 1: Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng này chịu sự Điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 2: Nội dung Hợp đồng

- Bên giao thầu đồng ý giao và bên nhận thầu đồng ý nhận thực hiện Công việc **Cung cấp thiết bị, lắp đặt, vận hành, chuyển giao công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 500 m3/ngđ - tiêu chuẩn thải loại B.**
- Phạm vi công việc được liệt kê chi tiết trong Bảng kê chi tiết kèm theo hợp đồng.

- Địa điểm thi công : Khu dân cư mới số 1, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang.
- Thông số kỹ thuật, chất lượng của thiết bị do Bên nhận thầu cung cấp cho Chủ đầu tư được liệt kê chi tiết trong phần báo giá.

Điều 3: Giá trị của hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

5.1. Giá trị trọn gói hợp đồng : **2.033.000.000 VNĐ .**

Thuế GTGT 10% : **203.000.000 VNĐ**

Tổng giá trị hợp đồng: : 2.236.300.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Giá Hợp đồng chọn gói theo quy định tại Điều 7 [Hợp đồng chọn gói].

5.2. Tạm ứng và thanh toán :

Toàn bộ giá trị hợp đồng được chủ đầu tư thanh toán làm 03 (Ba) đợt:

- ✓ **Đợt 1:** Trong vòng mười (10) ngày sau khi ký hợp đồng, nhà đầu tư thanh toán 40% tổng giá trị hợp đồng khi nhận được đề nghị tạm ứng của nhà thầu. Nhà thầu cung cấp bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng với giá trị tương đương.
 - Đề nghị tạm ứng đợt 1 theo hợp đồng.
- ✓ **Đợt 2:** 40% tổng giá trị hợp đồng sẽ được thanh toán trong vòng mười (10) ngày kể từ khi hoàn thành việc lắp đặt. Nhà thầu phải nộp các tài liệu sau đây cho Chủ đầu tư trước khi thanh toán. :
 - Đề nghị thanh toán đợt 2.
 - Cung cấp chứng nhận suất xứ thiết bị (CO)
 - Cung cấp chứng nhận chất lượng thiết bị (CQ)
 - Biên bản bàn giao, nghiệm thu hoàn thành lắp đặt, thiết bị có chữ ký của các bên.
 - Cung cấp hóa đơn VAT đợt 1 và đợt 2.
- ✓ **Đợt 3:** Nhà đầu tư trả cho nhà thầu 20% giá trị hợp đồng trong vòng mười (10) ngày kể từ khi nhận được các tài liệu sau :
 - Hóa đơn GTGT (bản chính) tương ứng với 100% giá trị hợp đồng;
 - Hồ sơ hướng dẫn vận hành, Bản vẽ hoàn công.
 - Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng có chữ ký của hai bên.
 - Giấy phép xả thải do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Bắc Giang cấp (bản gốc).
 - Cung cấp bảo hành của Ngân hàng với giá trị tương đương 5% giá trị hợp đồng.

5.3. Đồng tiền và hình thức thanh toán :

- Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam (VNĐ)
- Hình thức thanh toán : Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

5.4. Thời hạn thanh toán: Nếu nhà đầu tư trì hoãn thanh toán 03 ngày sau thời hạn quy định tại khoản 5.2 ở trên, các bên sẽ thương lượng thời gian thanh toán, thời hạn thanh toán không được kéo dài quá 10 ngày.

Điều 6 : Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng:

6.1. Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp đồng

- Thời gian hoàn thành việc lắp đặt máy móc: 60 ngày làm việc không kể thời gian điều kiện thời tiết bất lợi (mưa, bão, ...).
- Thời gian hoàn thành việc vận hành, chuyển giao công nghệ, xin cấp phép xả thải với cơ quan Nhà Nước: 60 ngày làm việc kể từ sau ngày lấy mẫu cuối cùng.
- Địa điểm thi công: Khu dân cư mới số 1, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang.

6.2. Tiến độ thực hiện Hợp đồng

- Bên nhận thầu phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nhà thầu phải sắp xếp một cách khoa học tiến độ thi công để tránh sự chậm trễ trong quá trình thi công.
- Bên nhận thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá hợp đồng. Trong trường hợp đó, Chủ đầu tư hoặc nhà tư vấn có thể yêu cầu Bên nhận thầu báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo Khoản 6.3 [Gia hạn thời gian hoàn thành]. Bên nhận thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với Khoản này.

6.3. Gia hạn Thời gian hoàn thành

Bên nhận thầu được phép theo gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

- a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.
- b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, Chiến tranh hoặc bất khả kháng khác;
- c) việc bàn giao mặt bằng xây dựng không tuân thủ thỏa thuận trong Hợp đồng.

6.4. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong Khoản 6.3 [Gia hạn thời gian hoàn thành], khi đó Bên giao thầu yêu cầu Bên nhận thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành, trong thời gian yêu cầu.

Điều 7 : Hình thức Hợp đồng trọn gói.

- Giá trị Hợp đồng trọn gói không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng
- Trường hợp khối lượng thực tế thi công nghiệm thu bằng và lớn hơn khối lượng trong hợp đồng thì giá trị hợp đồng được giữ nguyên.
- Trường hợp khối lượng thực tế nghiệm thu nhỏ hơn giá trị hợp đồng sẽ bị trừ đi theo giá tương ứng.

Điều 8: Nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng

8.1. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư

- Cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án theo yêu cầu của Bên nhận thầu gồm những giấy tờ như sau.
- Bàn giao toàn bộ mặt bằng thi công cho Bên nhận thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của Hợp đồng;

- Chịu trách nhiệm cung cấp nguồn điện, nước phục vụ công việc thi công của Bên nhận thầu.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác các tài liệu do mình cung cấp.
- Cử và thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện Hợp đồng;
- Chịu trách nhiệm và chi phí liên quan cho việc thay đổi qui mô, thiết kế kỹ thuật lớn hơn so với bản thiết kế đã được các bên thỏa thuận và thống nhất (nếu có); Hai bên thông qua việc ký kết thỏa thuận bổ sung bằng văn bản xác nhận.
- Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Bên nhận thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình.
- Thông báo cho Bên nhận thầu bằng văn bản về nội quy lao động và các quy định khác của Bên giao thầu.
- Thanh toán theo Điều 5 của Hợp đồng này;
- Cử cán bộ giám sát thi công, lắp đặt và nghiệm thu sau khi nhận được biên bản nghiệm thu của bên nhận thầu

8.2. Nghĩa vụ của Bên nhận thầu

- Thực hiện khối lượng công việc theo như hai bên đã thỏa thuận như sau:
- Đảm bảo vật tư và thiết bị được chế tạo đúng tiêu chuẩn, chất lượng và kỹ thuật như bản báo giá chi tiết đính kèm của hợp đồng;
- Mọi thay đổi về thiết kế, vật tư (nếu có) bị xem là vi phạm hợp đồng nếu Bên nhận thầu không thông báo trước cho Chủ đầu tư hoặc/và không được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản;
- Do sự chậm trễ của nhà đầu tư, nhà thầu không thể bắt đầu công việc và các chi phí liên quan sẽ do nhà đầu tư chịu sau khi có được xác nhận bằng văn bản từ nhà đầu tư.
- Cung cấp danh sách và bản sao giấy tờ tùy thân của những công nhân thi công công trình cho Chủ đầu tư; Bên nhận thầu chịu trách nhiệm xử lý tranh chấp lao động với công nhân viên thi công, đảm bảo rằng sẽ không bị ảnh hưởng đến Chủ đầu tư;
- Chấp hành đúng qui định của công ty trong thời gian thi công, tuân thủ các quy trình thao tác và chịu trách nhiệm về an toàn xây dựng.
- Trong quá trình vận hành, nếu chất lượng của dự án và thiết bị có vấn đề, gây thương tích cá nhân và thiệt hại tài sản (bao gồm tất cả các tổn thất của nhà đầu tư), nhà thầu sẽ bồi thường theo tính toán tổn thất thực tế.
- Hướng dẫn cho nhân viên phụ trách của Chủ đầu tư về qui trình, phương cách sử dụng hệ thống để đạt được kết quả tốt nhất. Khi công trình được bàn giao, Bên nhận thầu có trách nhiệm hướng dẫn, đào tạo những người điều hành Chủ đầu tư đồng thời cung cấp hồ sơ hướng dẫn vận hành cho Chủ đầu tư. Nhân viên phụ trách Chủ đầu tư phải thực hiện đúng theo các hồ sơ hướng dẫn vận hành mà Bên nhận thầu cung cấp.

Điều 9: Bảo hành, bảo trì

- Thời gian bảo hành là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày bàn giao tổng thể dự án và chuyển giao công nghệ cho chủ đầu tư đồng thời thông qua Bên giao thầu nghiệm thu. Trong thời gian bảo hành, Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm sửa chữa và thay thế miễn phí toàn bộ hư hỏng do chất lượng thiết bị và do kỹ thuật của Bên nhận thầu (nếu có);

- Bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành 1 lần/tháng, Trong thời hạn 12 tháng bảo hành, hàng tháng Bên nhận thầu sẽ cử cán bộ đến nơi lắp đặt máy của Bên giao thầu để kiểm tra, phát hiện và thay mới những hỏng hóc do chất lượng máy gây ra (chủ đầu tư phải cử người vận hành, và thông qua ghi chép hệ thống giám sát).

- Bên nhận thầu trong vòng 08 giờ kể từ khi Bên giao thầu đề xuất đơn đăng ký bảo trì phải trả lời và trong vòng 12 giờ phải phát hiện ra được vấn đề và khắc phục đối với các sự cố nhỏ, trong vòng 36 giờ phải khắc phục sự cố nếu sự cố do máy móc thiết bị gây ra, mỗi lần sửa chữa và bảo trì đều phải nộp báo cáo bằng văn bản cho bên A.

Điều 10: An toàn lao động, bảo vệ môi trường

10.1. An toàn lao động:

- Bên nhận thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường.

- Bên nhận thầu phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động và chịu trách nhiệm ATLĐ trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công. Trong trường hợp xảy ra sự cố an ninh, nhà thầu phải bồi thường thiệt hại so sự cố gây ra theo giá trị thực tế tại thời điểm xảy ra sự cố.

- Bên nhận thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

- Vào công trường phải sử dụng các trang bị, đồ bảo hộ lao động, đội nón an toàn và cột quai nón

- Cấm hút thuốc tại công trường (có thể hút tại nơi quy định của công trường)

10.2. Bảo vệ môi trường:

- Bên nhận thầu phải xử lý rác thải theo yêu cầu vệ sinh môi trường tại công trường phải thực hiện vệ sinh rác thải và vật liệu dư thừa khi đã hoàn tất công việc vào cuối mỗi ngày làm việc.

- Bên nhận thầu chịu trách nhiệm thu gom, bắt buộc tại các địa điểm quy định thu gom phân loại tất cả các loại chất thải xây dựng, được đặt đúng vị trí gọn gàng đồng thời sau khi hoàn thành công trình giao cho các đơn vị đủ điều kiện vận chuyển và xử lý để tiến hành vận chuyển đến nơi xử lý.

Điều 11: Chủ đầu tư tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng

11.1. Quyền của nhà đầu tư tạm ngừng công việc:

- Nếu Bên nhận thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên giao thầu có thể ra thông báo yêu cầu Bên nhận thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong Khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

- Nhà đầu tư có quyền quyết định ngừng hoạt động việc trong Hợp đồng khi Bên nhận thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết.

- Trước khi tạm dừng, Bên giao thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên nhận thầu không ít hơn 01 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm ngừng.

11.2. Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng

Nhà đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng nếu nhà thầu:

- Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

- Thời gian thi công và cấp phép bị trì hoãn (trừ trường hợp có thỏa thuận bổ sung khác bằng văn bản).
- Chuyển nhượng cho bất kỳ đơn vị nào khác. (Nhà thầu được phép sử dụng các đơn vị thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng khi được sự xem xét và chấp thuận của chủ đầu tư.
- Nhà thầu bị phá sản hoặc phá sản và đã đóng cửa, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Bên giao thầu có thể, bằng cách thông báo cho Bên nhận thầu trước 02 ngày, chấm dứt Hợp đồng vạyêu cầu nhà thầu rút khỏi công trường. Nhà thầu vi phạm hợp đồng, nhà thầu cũng sẽ bồi thường hợp đồng, chiếm 10% tổng số hợp đồng.

11.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo Khoản 11.2 của Hợp đồng [Chủ đầu tư Chấm dứt Hợp đồng] có hiệu lực, Bên giao thầu sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Bên nhận thầu và các Khoản tiền phải thanh toán cho Bên nhận thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

11.4. Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 11.2 của Hợp đồng này [Chủ đầu tư Chấm dứt Hợp đồng] có hiệu lực, Bên giao thầu có thể: Không thanh toán thêm cho Bên nhận thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Bên giao thầu chấp thuận đã được xác định;

Điều 12: Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi bên nhận thầu

12.1. Quyền tạm ngừng công việc của Bên nhận thầu

- Nếu Bên giao thầu không tuân thủ Khoản 5.3 của Hợp đồng [Thời hạn thanh toán] vượt quá 10 ngày; sẽ tạm ngừng công việc trừ khi và cho đến khi Bên nhận thầu được thanh toán theo các Điều Khoản của Hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Trước khi đình chỉ, Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư không dưới một ngày và nêu rõ lý do đình chỉ trong thông báo.

12.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu

Bên nhận thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- Bên nhận thầu không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ;
- Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo khoản 8.1 theo Hợp đồng;
- Vì lý do của nhà đầu tư việc tạm ngừng bị kéo dài quá 45 ngày;
- Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự Điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Bên nhận thầu có thể, bằng thông báo trước 02 ngày cho Bên giao thầu để chấm dứt Hợp đồng.

12.3. Ngừng công việc và di dời thiết bị Bên nhận thầu

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng, Bên nhận thầu sẽ ngay lập tức:

- Ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Bên giao thầu hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;
- Chuyển giao tất cả các tài liệu, thiết bị, vật liệu và công trình cho nhà đầu tư;

12.4. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 12.2 của Hợp đồng [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu] đã có hiệu lực, Các nhà đầu tư thực hiện thanh toán dựa trên số lượng công việc được xác nhận bởi cả hai bên.

Điều 13: Bất khả kháng

- Định nghĩa về bất khả kháng: Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lở, sóng thần, hỏa hoạn, chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết trước được, sự thay đổi chính sách hoặc sự ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- Nếu một trong 2 bên vì điều kiện bắt buộc mà không thể thực hiện được trách nhiệm, công việc của mình do trường hợp bất khả kháng hoặc do bị ảnh hưởng bởi một bên khác theo hợp đồng thì trong vòng 3 ngày sau khi sự cố xảy ra bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho bên kia bằng văn bản toàn bộ sự việc.
- Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Điều 14: Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi điều khoản qui định trong hợp đồng này và không bên nào được đơn phương hủy bỏ hợp đồng;
2. Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia biết và phải cung cấp chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc gián đoạn hoặc chấm dứt thực hiện hợp đồng trước thời hạn;
3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu gặp khó khăn hai bên phải thông báo bằng văn bản và cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu không đạt được thỏa thuận chung, vấn đề thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
4. Hai bên cam kết tạo điều kiện thuận lợi để hợp tác cùng có lợi.
5. Trong quá trình hợp tác thỏa thuận này, tất cả các thông tin và tài liệu mà Bên nhận thầu nhận được từ Bên giao thầu là bí mật thương mại của Bên giao thầu, Bên nhận thầu không được phép tiết lộ cho bên thứ ba hoặc sử dụng nó cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài thỏa thuận này.

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản và có giá trị pháp lý như nhau, có giá trị kể từ ngày đại diện hai bên ký tên và đóng dấu, mỗi giữ 02 (hai) bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG



PHỤ LỤC 01: BẢNG CHI TIẾT VẬT TƯ, THIẾT BỊ

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI(PHẦN CÔNG NGHỆ)					
	PHẦN THIẾT BỊ:					
1	Bơm nước thải - Công suất motor: P = 2.2 kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng: 25-45 m3/h. - Cột áp: H =19 mH2O. - Xuất xứ: Taiwan.	cái	6.000	31,657,800	189,946,800	
2	Đĩa phân phối khí bể điều hòa, loại bọt thô - Lưu lượng: 1,5-8 m3/h - Kích thước D=168mm - Vật liệu màng: EPDM	cái	45.000	1,255,000	56,475,000	
3	Đĩa phân phối khí bể hiếu khí, loại bọt tinh - Lưu lượng: 1,5-8 m3/h - Kích thước D=268mm - Vật liệu màng: EPDM	cái	80.000	1,355,000	108,400,000	
4	Máy thổi khí cạn - Công suất motor: P = 15 kw. - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng: Qmax =9.36 m3/phút - Cột áp: H = 8 mH2O. -Kích thước ống ra : 100mm - Xuất xứ: Taiwan.	cái	2.000	120,252,560	240,505,120	
5	Bơm bùn tuần hoàn + bùn thải - Công suất motor: P = 0,375 kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng lớn nhất: 16 m3/h. - Cột áp lớn nhất : H =8 mH2O. - Xuất xứ: Taiwan.	cái	2.000	17,457,800	34,915,600	
6	Đo và kiểm soát DO. Đo và truyền tín hiệu về tủ điện trung tâm để điều tiết máy thổi khí Hãng sản xuất: Hanna	cái	1.000	55,856,000	55,856,000	
7	Máy khuấy chìm. - Công suất : 0,75 kw - Lưu lượng: 3,2 m3/phút. - Điện áp: 3pha/380V/50Hz. - Xuất xứ: Taiwan.	cái	3.000	55,043,350	165,130,050	

8	Bơm định lượng hóa chất (Naocl) - Model: MB155PP - Lưu lượng: Qmax =0-155 L/h - Áp Lực: 6 bar - Công suất: 0,2 kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz - Đầu bơm: PP - Hãng sản xuất: OBL - Italy	cái	1.000	27,967,000	27,967,000	
9	Giá thể quả cầu sinh học/m3	m3	75.000	4,980,000	373,500,000	
10	Lắp đặt bể nước nhựa 1m3	cái	1.000	2,004,734	2,004,734	
11	Tấm chia nước inox sus304 L1000× H250× 2mm	tấm	17.200	2,200,000	37,840,000	
12	Ống lắng inox sus304 D500×H2200x2mm	cái	1.000	43,940,000	43,940,000	
13	Chân đế ống lắng inox304 v5 L800×3c, 4mm	cái	3.000	4,400,000	13,200,000	
14	Thanh giằng giữ miệng ống lắng hộp inox 20×40×L7000, 1,5mm	cái	2.000	4,460,000	8,920,000	
15	Giá đỡ máy khuấy chìm hộp inox304 .50×50x1,5mm dài 4m	cái	3.000	5,597,600	16,792,800	
16	Song chắn rác Ino304, 600x600	cái	1.000	14,915,000	14,915,000	
17	Lắp đặt vỏ tủ điện điều khiển, chiều cao lắp đặt <2m	1 tủ	1.000	9,219,960	9,219,960	
18	PHẦN LẮP ĐẶT ỐNG:			-	-	
19	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 20mm	100m	0.120	1,985,009	238,201	
20	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 25mm	100m	0.080	2,242,155	179,372	
21	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 60mm	100m	1.545	4,103,315	6,339,622	
22	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 80mm	100m	0.340	5,073,890	1,725,123	
23	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 150mm	100m	0.020	12,340,389	246,808	
24	Lắp đặt ống nhựa PVC, nối bằng p/p hàn, dài 6m, ĐK 200mm	100m	0.037	20,490,472	758,147	
25	Lắp đặt ống thép tráng kẽm, nối bằng p/p măng sông, dài 8m, ĐK 67mm	100m	0.205	17,105,684	3,506,665	
26	Lắp đặt ống thép tráng kẽm, nối bằng p/p măng sông, dài	100m	0.212	22,734,230	4,819,657	

	8m, ĐK 89mm					
27	Lắp đặt Zắc Co, ĐK21mm	cái	1.000	182,007	182,007	
28	Lắp đặt Zắc Co THÉP, ĐK65mm	cái	3.000	182,007	546,021	
29	Lắp đặt CÚT nhựa, nối bằng p/p hàn, ĐK 21mm	cái	6.000	20,285	121,710	
30	Lắp đặt CÚT thép, nối bằng p/p hàn, ĐK 90mm	cái	6.000	207,050	1,242,300	
31	Lắp đặt CÚT thép, nối bằng p/p hàn, ĐK 65mm	cái	5.000	104,595	522,975	
32	Lắp đặt TÊ thép, nối bằng p/p hàn, ĐK 90mm	cái	1.000	207,050	207,050	
33	Lắp đặt côn thép, nối bằng p/p hàn, ĐK 90/65	cái	1.000	207,050	207,050	
34	Lắp đặt TÊ thép, nối bằng p/p hàn, ĐK 65mm	cái	1.000	104,595	104,595	
35	Lắp bích thép, ĐK 90mm	cái	2.000	419,201	838,402	
36	Lắp bích, ĐK 80mm	cái	12.000	291,405	3,496,860	
37	Lắp bích, ĐK 60mm	cái	4.000	205,553	822,212	
38	Lắp đặt KÉP THÉP, ĐK 65mm	cái	16.000	104,595	1,673,520	
39	Lắp đặt côn thép, nối bằng p/p hàn, ĐK 65/50	cái	3.000	104,595	313,785	
40	Lắp đặt khóa 2 chiều ĐK 80mm	cái	3.000	1,076,361	3,229,083	
41	Lắp đặt khóa 2 chiều ĐK65mm	cái	3.000	862,199	2,586,597	
42	Lắp đặt khóa 2 chiều ĐK60mm	cái	3.000	862,199	2,586,597	
43	Van đồng 1 chiều D80	cái	6.000	1,076,361	6,458,166	
44	Lắp đặt khóa 2 chiều ĐK 20mm	cái	1.000	182,007	182,007	
45	Van đồng 1 chiều D60	cái	2.000	862,199	1,724,398	
46	Lắp đặt van BUỐM ĐK 90mm	cái	2.000	1,122,777	2,245,554	
47	Lắp đặt van ren TRONG, ĐK 21mm	cái	2.000	182,007	364,014	
48	Lắp đặt van ren NGOÀI, ĐK 21mm	cái	1.000	182,007	182,007	
49	Lắp đặt van ren TRONG PVC, ĐK 27mm	cái	125.000	271,424	33,928,000	
50	Lắp đặt ren NGOÀI PVC, ĐK 80mm	cái	18.000	1,076,361	19,374,498	
51	Lắp đặt ren NGOÀI PVC, ĐK 60mm	cái	6.000	862,199	5,173,194	
52	Lắp đặt tê nhựa miệng bát,	cái	41.000			

	nối bằng p/p dán keo, ĐK 60mm			14,415	591,015	
53	Lắp đặt tê nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 80mm	cái	6.000	20,845	125,070	
54	Lắp đặt tê nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 60mm	cái	3.000	14,415	43,245	
55	Lắp đặt tê THỦY nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 60/27mm	cái	125.000	14,415	1,801,875	
56	Lắp đặt CÚT CHÉCH nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 200mm	cái	1.000	171,991	171,991	
57	Lắp đặt bít thông tắc nối bằng p/p dán keo, ĐK 200mm	cái	3.000	171,991	515,973	
58	Lắp đặt tê nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 160mm	cái	4.000	93,341	373,364	
59	Lắp đặt CÚT nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 80mm	cái	7.000	20,845	145,915	
60	Lắp đặt CÚT nhựa miệng bát, nối bằng p/p dán keo, ĐK 60mm	cái	4.000	14,415	57,660	
61	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột 4x2,5mm ²	m	353.400	37,734	13,335,196	
62	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x1mm ²	m	164.500	13,479	2,217,296	
63	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột 4x1,5mm ²	m	54.400	27,263	1,483,107	
64	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột 3x10+1x6mm ²	m	10.000	118,433	1,184,330	
65	Lắp đặt ống nhựa chìm bảo hộ dây dẫn, ĐK 32mm	m	572.300	48,315	27,650,675	
66	CỤM ỐNG D21	cái	100.000	12,500	1,250,000	
67	CHỖ D21	cái	1.000	13,247	13,247	
68	Dây Xích inox	m	32.000	95,000	3,040,000	
69	Hóa chất khử trùng	kg	40.000	165,000	6,600,000	
70	Máy ép bùn khung bản xuất xứ: Việt Nam Phụ kiện gồm tấm lọc bùn, vải lọc, xi lanh thủy lực, bộ nguồn thủy lực	Bộ	1.000	205,000,000	205,000,000	
71	MC - 12a	cái	13.000	891,000	11,583,000	
72	MC-65a	cái	2.000	4,356,000	8,712,000	
73	RL-MT-65	cái	2.000	2,838,000	5,676,000	

74	Rolee MT -32 (5-8)	cái	13.000	891,000	11,583,000	
75	Khóa 3 vị trí +stop Inđec	cái	16.000	214,500	3,432,000	
76	Role trung gian Inđec	cái	20.000	363,000	7,260,000	
77	Đồng hồ (V,A)	cái	4.000	759,000	3,036,000	
78	Ất cài 3pha -20A (LS)	cái	13.000	858,000	11,154,000	
79	Ất tếp 1P (LS)	cái	1.000	214,500	214,500	
80	Đèn báo	cái	34.000	148,500	5,049,000	
81	Tiếp điểm phụ (LS)	cái	2.000	214,500	429,000	
82	Dây điện 1x1	m	600.000	9,900	5,940,000	
83	Dây 1x2,5	m	60.000	19,800	1,188,000	
84	Dây 1x4	m	15.000	36,300	544,500	
85	Dây 1x6	m	10.000	59,400	594,000	
86	Thanh lược cài ất	thanh	2.000	660,000	1,320,000	
87	Thanh cài ất	thanh	4.000	82,500	330,000	
88	Máng đi dây 35x35	cây	1.000	264,000	264,000	
89	Máng đi dây 45x45	cây	5.000	297,000	1,485,000	
90	Đầu cốt (2-4)	cái	1,500.000	990	1,485,000	
91	Đầu cốt (5,5 -5)	cái	350.000	1,650	577,500	
92	Nguồn 24V	cái	1.000	1,848,000	1,848,000	
93	Kẹp đầu dây	mắt	65.000	16,500	1,072,500	
94	Chống mất pha Selec	cái	1.000	1,386,000	1,386,000	
95	Cầu chì ống	cái	3.000	66,000	198,000	
96	Ất khối 60A	cái	2.000	2,211,000	4,422,000	
97	Ất khối 100A	cái	1.000	2,211,000	2,211,000	
98	PLC Missu	bộ	1.000	21,450,000	21,450,000	
99	TI	cái	3.000	478,500	1,435,500	
100	Cốt 16	cái	20.000	11,550	231,000	

101	Chuyển mạch von	cái	1.000	693,000	693,000	
102	Dây 1x16	m	10.000	115,500	1,155,000	
103	Ắt tếp cài 2P	cái	1.000	429,000	429,000	
104	Quạt thông gió	cái	1.000	759,000	759,000	
105	Men visinh dạng bột	kg	20.000	250,000	5,000,000	
106	Cơ chất nuôi cấy visinh	kg	150.000	25,000	3,750,000	
107	Thủ tục cấp phép xả thải	lần	1.000	52,000,000	52,000,000	
108	Nhân công nuôi cấy	Ngày	40.000	750,000	30,000,000	
109	Nhân công thiết kế, hồ sơ	Bộ	1.000	31,249,281	31,249,281	
110	Lấy mẫu phân tích nội bộ, phân tích nghiệm thu	lần	1.000	20,600,000	20,600,000	

102

T.N.H.H
GIANG *

C.P *